yě huǒ

野火

noun · wildfire

Example Sentences

Yě huǒ shāo huǐ le zhěng piàn sēn lín
野火 烧毁了 整 片 森林。
The wildfire burned down the entire forest.

Zuì jìn gān hàn yě huǒ fēng xiǎn hěn gāo
最近干旱，野火 风 险 很 高。
Recently it's dry, so the risk of wildfire is high.

Yě huǒ guò hòu dà dì yī piàn jiāo hēi
野火 过 后，大地一 片 焦黑。
After the wildfire, the land was all charred black.

Trace each character, then write the word on your own.

野 野 野 野 野 野 野 野 野 野 野
野 野 野

火 火 火 火 火 火 火